ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 68/2022/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 27 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023 và áp dụng đối với năm ngân sách 2023. Bãi bỏ Quyết định số 79/2021/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KT (TP, Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Trung

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Ban hành kèm theo Quyết định số 68/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I
QUY ĐỊNH VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; các đơn vị dự toán cấp 1; các đơn vị sự nghiệp công lập; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan đóng trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương theo quy định hiện hành.

Chương II
CƠ CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước

Căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, Cục Thuế tỉnh Nghệ An cùng với Sở Tài chính và các ngành có liên quan thông báo dự toán thu ngân sách nhà nước chi tiết cho các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là cấp huyện) và các đơn vị (bao gồm cả thu phí, lệ phí).

Điều 4. Quản lý thu ngân sách nhà nước

1. Sau khi giao dự toán thu ngân sách nhà nước, Cục Thuế tỉnh Nghệ An và Cục Hải quan Nghệ An chủ trì phối hợp với các cấp, các ngành chức năng tổ chức triển khai nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, chống thất thu thuế, xử lý nợ đọng thuế và các chế độ, chính sách thu khác có liên quan.

2. Việc quản lý thu, sử dụng phí và lệ phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí. Các khoản thu từ phí, lệ phí phải sử dụng biên lai thu do ngành Thuế

quản lý. Đối với những khoản thu của UBND cấp xã ngoài thuế phải sử dụng biên lai do Bộ Tài chính quy định tại Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03 tháng 10 năm 2019 về hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã cùng các văn bản hiện hành khác.

3. Các khoản thu xử phạt do vi phạm hành chính của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo các Thông tư của Bộ Tài chính: số 153/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2013 quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước đảm bảo hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính; số 173/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 về hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính; số 105/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 8 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 153/2013/TT-BTC; số 16/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 chi tiết một số điều của Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

4. Tiền sử dụng đất, phần nộp ngân sách nhà nước được điều tiết và phân chia cho các cấp ngân sách theo quy định hiện hành. Ngân sách các cấp sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất được hưởng để chi cho các nhiệm vụ sau: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đầu tư kết cấu hạ tầng, quỹ địa chính (đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng giá đất); quy hoạch; xây dựng nông thôn mới; đối ứng các dự án; đối ứng các Chương trình mục tiêu Quốc gia; bổ sung nguồn vốn đầu tư công; trả nợ gốc và lãi, các khoản phí vay, trả tiền mua xi măng làm đường giao thông nông thôn và các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định hiện hành. Một số nội dung quy định cụ thể như sau:

a) Các khu đất thuộc thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, thị xã Hoàng Mai, huyện Diễn Châu, huyện Nghi Lộc, huyện Hưng Nguyên, huyện Đô Lương được tỉnh quy hoạch đấu giá, giao đất để tạo nguồn vốn đầu tư những công trình, dự án của tỉnh (tiền sử dụng đất dọc hai bên trục đường các dự án: Đại lộ Vinh - Cửa Lò, Đường N5 từ Khu kinh tế Đông Nam đến Hoà Sơn, Đô Lương; tiền sử dụng đất dự án các khu đô thị, khu tái định cư trong Khu kinh tế Đông Nam); các khu đất để xây dựng Khu đô thị thực hiện các dự án đầu tư xây dựng - chuyển giao (BT); các khu đất được tỉnh dành riêng để thực hiện các dự án trọng điểm theo các Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh điều tiết 100% về ngân sách tỉnh (hạch toán vào mục 1400, tiểu mục 1449).

b) Các dự án bất động sản nhưng không xác định để đầu tư công trình cụ thể (không bao gồm thành phố Vinh, các thị xã: Cửa Lò, Hoàng Mai, Thái Hòa); Các dự án bất động sản trên địa bàn thành phố Vinh: Khu đô thị mới tại phường Đông Vĩnh và phường Cửa Nam, Khu đô thị phía Tây Nam tại phường Vinh Tân và xã Hưng Chính, Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã Hưng Hòa, Mở rộng khu đô

thị tại xã Hưng Hòa; Các khu đất đấu giá của các tài sản công (không tính tài sản trên đất); Các khu đất thực hiện ứng vốn từ Quỹ phát triển đất Nghệ An để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đầu tư kết cấu hạ tầng thì tiền sử dụng đất tương ứng phần thực hiện hoàn trả cho Quỹ phát triển đất Nghệ An, được thực hiện như sau:

Cục Thuế tỉnh Nghệ An chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với Kho bạc nhà nước điều tiết 100% về ngân sách tỉnh (hạch toán vào mục 1400, tiểu mục 1449). Căn cứ đề nghị của UBND cấp huyện, Sở Tài chính cấp lại phần ngân sách cấp huyện (bao gồm cả ngân sách cấp xã) hưởng theo tỷ lệ quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025; số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND.

c) Các khu đất thực hiện ghi thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê mặt đất, mặt nước, ghi chi kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đầu tư kết cấu hạ tầng thì tiền sử dụng đất, tiền cho thuê mặt đất, mặt nước tương ứng phần kinh phí thực hiện ghi thu ghi chi được hạch toán như sau:

- Đối với cấp tỉnh

Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Nghệ An lập kế hoạch về cho thuê mặt đất, mặt nước, tiền sử dụng đất các khu đô thị, các dự án kinh doanh bất động sản, dự án phát triển nhà ở và các dự án tạo nguồn vốn đầu tư các công trình trọng điểm của tỉnh bao gồm tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư trình Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% khi hạch toán ghi thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê mặt đất, mặt nước.

- Đối với cấp huyện, cấp xã

Dự toán thu tiền sử dụng đất giao cho Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Uỷ ban nhân dân cấp xã chưa bao gồm phần tiền sử dụng đất để hỗ trợ tái định cư. Uỷ ban nhân dân cấp huyện và cấp xã lập dự toán thu tiền sử dụng đất và chi đầu tư phát triển trình Hội đồng nhân dân cùng cấp theo quy định ngoài số thu tiền sử dụng đất được Uỷ ban nhân dân tỉnh giao.

Tiền sử dụng đất (phần đầu tư hạ tầng) ghi thu được điều tiết như sau:

- Ngân sách cấp huyện hưởng 100% đối với các khu đất do Uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện đấu giá.

- Ngân sách cấp xã hưởng 100% đối với các khu đất do Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện đấu giá.

Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp phát sinh việc nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định chưa bố trí nhiệm vụ chi bồi thường, giải phóng mặt bằng tương ứng, Ủy ban

nhân dân các cấp căn cứ quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

d) Các khu đất khác (không bao gồm đất quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này) điều tiết theo quy định tại Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND (hạch toán vào mục 1400, tiểu mục tương ứng).

5. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thu, đặc biệt là cơ quan Thuế, Hải quan phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Kho bạc Nhà nước tổ chức quản lý, tập trung nguồn thu vào ngân sách nhà nước, thực hiện công tác kiểm tra, đối chiếu đảm bảo tất cả các nguồn thu ngân sách phải được tập trung đầy đủ, kịp thời vào quỹ ngân sách nhà nước theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: số 184/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; số 84/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn thủ tục nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế và thu nội địa; số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước; số 72/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước. Các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch và triển khai các biện pháp tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phấn đấu phát triển sản xuất kinh doanh để tăng thu ngân sách nhà nước; đề ra giải pháp tích cực thực hiện thu ngân sách nhà nước ngay từ Quý I năm 2023.

6. Đối với khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Các khoản thu ngân sách nhà nước và phần tăng thu ngân sách các cấp được hưởng tương ứng theo tỷ lệ điều tiết quy định tại Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND và các văn bản quy phạm khác theo quy định hiện hành.

Điều 5. Quỹ tài chính ngoài ngân sách và các khoản huy động đóng góp của nhân dân

1. Tất cả các khoản huy động đóng góp của nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nào quyết định hoặc thực hiện thu không đúng thẩm quyền sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu đóng góp của nhân dân để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phải sử dụng biên lai thu tiền theo quy định tại Thông

tư số 70/2019/TT-BTC. Việc tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, phường, thị trấn thực hiện theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn; Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý nhà nước trong thực hiện các loại quỹ và các khoản huy động đóng góp của nhân dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án huy động xin ý kiến cấp ủy, trình Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp thống nhất chủ trương, giải pháp trước khi tổ chức thực hiện. Quá trình huy động đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng tại xã, phường, thị trấn phải được công khai tài chính theo quy định.

3. Đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách

Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải lập báo cáo tình hình thu, chi tài chính và xây dựng kế hoạch thu, chi tài chính năm kế hoạch của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn; thực hiện quy định chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính.

Chương III

CƠ CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 6. Nguyên tắc chung

1. Căn cứ văn bản giao, thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền, các đơn vị dự toán cấp I tiến hành phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo khớp đúng về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao. Các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chi theo đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức; cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước thực hiện cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước theo nguyên tắc, chế độ hiện hành.

2. Ngân sách cấp huyện bố trí các khoản chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề, sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, dự phòng ngân sách không được thấp hơn số Ủy ban nhân dân tỉnh giao và Sở Tài chính thông báo.

3. Không sử dụng kinh phí sự nghiệp ngành để bổ sung kinh phí cho các hoạt động mà theo quy định chức năng, nhiệm vụ đơn vị phải thực hiện và nằm trong định mức chi thường xuyên đã giao. Căn cứ dự kiến phân bổ kinh phí sự nghiệp ngành đã thống nhất với Sở Tài chính và tiến độ thực hiện nhiệm vụ chi, chế độ chính sách hiện hành, các ngành giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc.

4. Ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

5. Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương cho cán bộ, công chức, người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập khi nhà nước điều chỉnh tăng mức lương cơ sở: Khi chờ cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí, ngân sách cấp trên thực hiện tạm cấp kinh phí cho ngân sách cấp dưới chưa đủ nguồn, số kinh phí tạm cấp được giảm trừ khi cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí thực hiện chính thức. Các đơn vị sử dụng ngân sách được chủ động sử dụng dự toán ngân sách đã được giao và nguồn thu được để lại theo chế độ để kịp thời chi trả tiền lương, trợ cấp tăng thêm cho các đối tượng theo quy định.

6. Ban hành các cơ chế, chính sách của địa phương (theo thẩm quyền) liên quan đến chi ngân sách nhà nước

a) Việc ban hành và thực hiện các cơ chế, chính sách của địa phương liên quan đến chi ngân sách phải dựa trên cơ sở chính sách, chế độ chung của nhà nước, phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách, thời gian ban hành chính sách phải phù hợp với thời gian xây dựng, điều chỉnh dự toán ngân sách.

b) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm. Cơ chế chính sách liên quan đến ngành nào thì giao ngành đó chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính (nguồn chi thường xuyên), phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư (nguồn chi đầu tư phát triển) rà soát, thẩm định về mức độ đảm bảo nguồn ngân sách, chỉ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt khi thẩm định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đảm bảo tính khả thi.

c) Trường hợp cần thiết ban hành chính sách (ngoài các chế độ, tiêu chuẩn do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương ban hành) để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, cần tính toán để phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và đảm bảo phù hợp với thẩm quyền theo quy định. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp theo quy định.

Điều 7. Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách nhà nước

1. Dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 đã bố trí đủ kinh phí bảo đảm các chế độ tiền lương, phụ cấp có tính chất lương, các khoản đóng góp theo mức tiền lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo phân loại tự chủ tài chính và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành.

Đối với chi đầu tư phát triển: Giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) các Thông tư của Bộ Tài chính: số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 về hệ thống mục lục ngân sách nhà nước, số 93/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC.

2. Trong quá trình quyết định phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, trường hợp Hội đồng nhân dân quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước được hưởng theo chế độ quy định cao hơn mức cấp trên giao, dự

toán chi bố trí tăng thêm tương ứng (không kể tăng chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất), sau khi dành 70% thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại ưu tiên để thực hiện những nhiệm vụ, chế độ, chính sách quan trọng được cấp có thẩm quyền quyết định, xử lý thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo Luật Đầu tư công năm 2019, bổ sung dự phòng ngân sách để chủ động trong quá trình điều hành.

3. Kinh phí phân bổ sau được sử dụng để chi cho các nhiệm vụ mà đầu năm chưa đủ điều kiện để phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị. Khi phát sinh nhiệm vụ chi, các đơn vị, các ngành tổng hợp gửi cơ quan tài chính thẩm định, trình Uỷ ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định phân bổ. Sau khi có quyết định của Uỷ ban nhân dân, cơ quan tài chính giao bổ sung dự toán cho các đơn vị thực hiện.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành, các đơn vị có liên quan tính toán, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án giảm cấp chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công.

Đối với khối khám bệnh, chữa bệnh trong Trung tâm y tế cấp huyện được phân loại là đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Trường hợp trong năm, đơn vị dự kiến nguồn thu (theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo các Thông tư của Bộ Y tế: số 39/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp; số 13/2019/TT-BYT ngày 05 tháng 7 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2018/TT-BYT; Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An) không đảm bảo đủ chi thường xuyên thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành.

5. Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, uỷ quyền cho Sở Tài chính thông báo chi tiết dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tới các ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch quyết định, thông báo giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý. Các đơn vị dự toán cấp I tiến hành phân bổ và giao dự toán chi ngân sách địa phương cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo các quy định sau: Điều 49, Điều 50 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; khoản 2 Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP.

6. Thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Uỷ ban nhân dân cấp huyện:

a) Xây dựng (hoặc sửa đổi, bổ sung) trình cấp có thẩm quyền ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý và định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành giá dịch vụ; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Tiếp tục triển khai phương án phân loại tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ; Công văn số 7487/UBND-KT ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Đồng thời rà soát, trình cấp thẩm quyền quyết định chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thành công ty cổ phần khi có đủ điều kiện. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao tự chủ tài chính thì phân bổ và giao dự toán chi vào phần dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP: Việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước căn cứ vào nhiệm vụ được giao năm 2023, phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp, dự toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên); dự toán chi tiết theo 2 phần: phần dự toán chi ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên (trừ đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

d) Đối với các đơn vị sự nghiệp y tế: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí quản lý (trong trường hợp chưa kết cấu chi phí quản lý vào giá dịch vụ khám, chữa bệnh); hỗ trợ chi thường xuyên trong trường hợp sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên đối với khối khám, chữa bệnh thuộc Trung tâm y tế cấp huyện được phân loại là đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (nhóm 3).

7. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với tất cả các sở, cơ quan, đơn vị hành chính cấp tỉnh; giao Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện triển khai đối với tất cả các đơn vị hành chính cấp huyện theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-

CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

8. Đối với kinh phí hỗ trợ cân đối chi ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân được chủ động bố trí cơ cấu chi ngân sách địa phương năm 2023 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển theo quy định tại điểm c, khoản 7, Điều 3, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

9. Chi cho các hoạt động nghiệp vụ đặc thù được bố trí trên cơ sở nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách.

Điều 8. Chi đầu tư phát triển

1. Nguồn vốn chi đầu tư phát triển

a) Nguồn vốn chi đầu tư phát triển của ngân sách tỉnh: Vốn chi cho đầu tư phát triển thuộc ngân sách Trung ương (bao gồm vốn trong nước và vốn ngoài nước); Tiền sử dụng đất phần ngân sách tỉnh hưởng: Ưu tiên để chi trả nợ gốc, trả phí và lãi vay đầu tư, chi bồi thường, giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng cơ bản (sau đây gọi là XDCB), các nhiệm vụ quy hoạch bao gồm các hoạt động được thực hiện để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, đối ứng các Chương trình mục tiêu Quốc gia; Vốn đầu tư phát triển theo các chương trình được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương; Nguồn thu từ xổ số kiến thiết; Huy động của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ; Viện trợ không hoàn lại, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh để đầu tư xây dựng cơ bản; Bội chi ngân sách địa phương (từ vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại và các khoản vay trong nước khác) theo quy định tại khoản 5, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 để thực hiện các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; Nguồn kinh phí chi thường xuyên bố trí cho các công trình trọng điểm (ngoài nguồn vốn bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025) và các công trình khác theo cam kết nguồn vốn của tỉnh (nguồn tăng 45% theo định mức dân số còn lại); Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

b) Nguồn vốn chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp huyện: Tiền sử dụng đất phần ngân sách cấp huyện hưởng; Hỗ trợ đầu tư XDCB từ ngân sách cấp trên.

- Viện trợ không hoàn lại, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện để đầu tư xây dựng cơ bản; Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

c) Nguồn vốn chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp xã: Tiền sử dụng đất được hưởng theo tỷ lệ điều tiết; Hỗ trợ đầu tư XDCB từ ngân sách cấp trên; Viện trợ không hoàn lại, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã để đầu tư xây dựng cơ bản; Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

d) Vốn đầu tư phát triển của cấp huyện và cấp xã, phần được để lại tiền sử dụng đất theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh phải ưu tiên bố trí thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp, kiên cố hoá kênh mương thuỷ lợi, giao thông nông thôn, trả nợ các dự án đầu tư XDCB của cấp huyện và cấp xã, bố trí đối ứng các dự án thuộc Chương trình mục tiêu và thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011, Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013; quy định tại Điều 12 của Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024.

2. Quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước

a) Quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho dự án, công trình, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh Nghệ An; số 55/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương; các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Chế độ báo cáo thực hiện theo các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán, số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 2 năm 2021 quy định chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công; Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công.

c) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong thu hồi vốn tạm ứng, thu hồi vốn thanh toán thừa so với quyết toán được duyệt và quyết toán dự án hoàn thành: Thực hiện theo quy định tại Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

Điều 9. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề

1. Chi sự nghiệp giáo dục

a) Đối với sự nghiệp giáo dục cấp tỉnh: Căn cứ dự toán được Uỷ ban nhân dân tỉnh giao và Thông báo của Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc (Trường mầm non Hoa Sen, Trường trung học phổ thông chuyên Phan Bội Châu, các trường trung học phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, Trung tâm giáo dục thường xuyên – hướng nghiệp tỉnh, Trung tâm giáo dục thường xuyên số 2) và thông báo công khai để các đơn vị thực hiện. Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định.

b) Đối với sự nghiệp giáo dục cấp huyện

Trên cơ sở dự toán được Uỷ ban nhân dân tỉnh giao và Thông báo của Sở Tài chính, Chủ tịch UBND huyện giao Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu phân bổ dự toán chi ngân sách cho các cơ sở giáo dục công lập, gồm: Mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở, trung học cơ sở, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu phân bổ dự toán chi ngân sách cho các cơ sở giáo dục trung học phổ thông công lập (trừ các cơ sở giáo dục tại điểm a, khoản 1, Điều 9 của quy định này), đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ dự toán cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Căn cứ Nghị quyết của HĐND huyện, UBND huyện quyết định giao dự toán chi ngân sách cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các địa phương về phân bổ dự toán và các nội dung chi sự nghiệp giáo dục đã được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước.

Phòng Tài chính – kế hoạch phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khoản thu, chi tại các đơn vị trực thuộc, thực hiện tốt công tác thẩm tra, xét duyệt quyết toán hàng năm theo quy định.

c) Một số nội dung chi thực hiện như sau:

Khen thưởng giáo viên giỏi và học sinh giỏi đạt thành tích cao thực hiện theo quy định hiện hành; Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ; Chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Chính sách hỗ trợ giáo dục đối với người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính; Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo Nghị định

số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn thực hiện theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khoảng cách, địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người thực hiện theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ; Học bổng cho sinh viên theo chế độ cử tuyển; học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú; học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ; Chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT BTC-BGD&ĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 của liên Bộ Tài chính - Giáo dục và Đào tạo; Chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; Chế độ chi trả cho giáo viên dạy môn giáo dục Quốc phòng theo Thông tư số 15/2015/TTLT-BGD&ĐT-BLĐTBXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Bộ Giáo dục và đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và xã hội - Bộ Quốc phòng - Bộ Công an - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính; Chính sách đối với giáo viên không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ theo Quyết định số 86/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kinh phí hỗ trợ các cơ sở giáo dục được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chế độ đối với giáo viên đi học nâng cao trình độ theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính và Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Nghệ An; Kinh phí dạy học 02 buổi/ngày tại các trường phổ thông dân tộc nội trú theo Quyết định số 5671/QĐ-UBND.VX ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; Chế độ hỗ trợ nhân viên các trường phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông dân tộc nội trú; định mức khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chính sách học bổng cho học sinh trường Trung học phổ thông chuyên Phan Bội Châu và chính sách ưu đãi cho cán bộ quản lý và giáo viên theo Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Một số chế độ đã được bố trí kinh phí trong dự toán như: Chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác cho các thành viên đoàn đánh giá ngoài; kinh phí tổ chức kỳ thi Trung học phổ thông; chế độ công tác phí cho cộng tác viên thanh tra thuộc các trường Trung học phổ thông và trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên....

d) Đối với chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và kinh phí chi trả cho biên chế giáo viên được giao bổ sung tại Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh:

- Giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp bổ sung kinh phí cho các huyện thực hiện ngay từ đầu năm.

- Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan thẩm định nhu cầu kinh phí thực tế chi trả, tổng hợp, cân đối nguồn kinh phí, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp bổ sung kinh phí cho các huyện.

- Giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh tổng hợp nhu cầu kinh phí chi trả cho biên chế giáo viên được giao bổ sung theo Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Ban chấp hành Trung ương, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung kinh phí cho tỉnh.

đ) Tất cả các khoản thu, chi từ nguồn thu học phí (bao gồm cả kinh phí miễn, giảm học phí được ngân sách nhà nước cấp theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) và các khoản thu khác (nếu có), thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Nghệ An quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên; mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định thuộc tỉnh Nghệ An quản lý từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026, thực hiện giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước theo lộ trình. Dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2023 đã tạm tính số chênh lệch từ nguồn thu học phí tăng thêm để trích trừ 40% sử dụng làm nguồn cải cách tiền lương theo quy định, tạm giảm một phần chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước theo lộ trình từ 60% học phí tăng thêm còn lại.

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ ban hành về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023, giao Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết ổn định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 bằng mức thu học phí của năm học 2021 - 2022 do Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành áp dụng tại địa phương; phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh quyết định cấp lại cho các đơn vị và ngân

sách cấp huyện số kinh phí 40% phần học phí tăng thêm đã trích trừ và phần đã tạm giảm trừ trong dự toán năm 2023 của các đơn vị.

2. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

a) Đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo khác được cân đối trong dự toán ngân sách tỉnh. Kinh phí đào tạo không bố trí đối với học đại học tại chức theo nghiệp vụ chuyên môn để chuẩn hoá cán bộ, người đi học phải tự túc toàn bộ kinh phí.

b) Một số khoản chi thực hiện như sau: Kinh phí đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ cán bộ, công chức theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính và Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Nghệ An; Kinh phí đào tạo của ngân sách cấp huyện đã được bố trí để chi hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, các Trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật thuộc cấp huyện quản lý; chi đào tạo và đào tạo lại cán bộ, công chức; kinh phí tập huấn, tuyên truyền phổ biến pháp luật,...

Đối với kinh phí mở các lớp dạy sơ cấp và trung cấp nghề thuộc cấp huyện quản lý: Căn cứ chỉ tiêu dạy nghề do ngân sách nhà nước đảm bảo được Uỷ ban nhân dân tỉnh giao, các đơn vị lập dự toán chi tiết của từng lớp học kèm theo hồ sơ mở lớp gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ.

Kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng: Sở Lao động, Thương binh và xã hội tổng hợp, gửi Sở Tài chính tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết để thực hiện theo Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục đào tạo, mức hỗ trợ chi phí đào tạo cụ thể đối với từng đối tượng tham gia chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Kinh phí thực hiện một số chính sách đã bố trí trong dự toán các trường cấp tỉnh, cấp bổ sung mục tiêu qua ngân sách cấp huyện: Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

c) Tất cả các khoản thu, chi từ nguồn thu học phí và các khoản thu khác của đơn vị (bao gồm cả kinh phí miễn, giảm học phí do ngân sách nhà nước cấp theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 10. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

1. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện theo các văn bản sau:

a) Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.

b) Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

c) Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

đ) Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

e) Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2025.

g) Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật, cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

h) Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An về ban hành định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

i) Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

k) Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 1 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh theo phân cấp mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước. Theo đó, giao Sở Thông tin và Truyền thông (đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển

dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại địa phương trước ngày 15/03/2023.

Trong thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh chưa ban hành quy định hoạt động quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh, việc thẩm định đề cương và dự toán chi tiết các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước: Thành lập hội đồng thẩm định gồm Sở Tài chính làm Chủ tịch hội đồng, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được giao tại Quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh và Thông báo của Sở Tài chính, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tài chính phân bổ chi tiết cho theo từng đơn vị và nhiệm vụ chi, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện.

4. Đối với chi sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp huyện: Uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét, ưu tiên bố trí kinh phí hỗ trợ triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

Điều 11. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

1. Đối với sự nghiệp y tế, dân số và gia đình cấp tỉnh

Căn cứ dự toán được Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định và văn bản giao, thông báo dự toán của Sở Tài chính, Sở Y tế phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc. Sở Tài chính phối hợp với Sở Y tế kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định.

2. Đối với sự nghiệp y tế, dân số và gia đình cấp huyện

a) Căn cứ dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, thông báo giao dự toán của Sở Tài chính, phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tham mưu Uỷ ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị thực hiện.

b) Các khoản kinh phí chưa được bố trí trong dự toán đầu năm: Kinh phí thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại các cơ sở khám chữa bệnh theo Quyết định số 124/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với cán bộ y tế hành nghề khám, chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Hỗ trợ chi thường xuyên khối khám, chữa bệnh theo Thông tư số 39/2018/TT-BYT (nếu còn thiếu); Kinh phí tăng giường bệnh; Kinh phí thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (nếu còn thiếu); Chế độ trợ cấp ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, đề nghị đơn vị sử dụng nguồn chênh lệch quỹ tiền lương giữa người ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn với quỹ tiền lương của người được tuyển dụng thay thế để chi trả kịp thời,

ngân sách tỉnh hỗ trợ phần kinh phí còn thiếu (thời gian đơn vị trình sau khi có Quyết định ra khỏi vùng chậm nhất không quá 03 tháng).

Giao Sở Y tế chủ trì thẩm định, tổng hợp gửi Sở Tài chính trình Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định để chi trả cho các đối tượng.

c) Quản lý các khoản thu, chi kinh phí khám, chữa bệnh

Tất cả các khoản thu, chi từ nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh và các khoản thu khác (nếu có), đơn vị phải thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Trạm y tế cấp xã có trách nhiệm báo cáo Trung tâm y tế toàn bộ các khoản thu từ hoạt động khám, chữa bệnh để Trung tâm y tế quản lý, sử dụng, quyết toán theo chế độ quy định. Trường hợp để ngoài sổ sách các khoản thu, Trạm trưởng trạm y tế phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Các Bệnh viện được cơ quan Bảo hiểm xã hội hợp đồng quyết toán kinh phí khám chữa bệnh tại trạm y tế cấp xã có trách nhiệm chuyển số kinh phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế phần trạm y tế xã được hưởng vào tài khoản tiền gửi của Trung tâm y tế trên địa bàn mở tại Kho bạc nhà nước (chi tiết đến từng xã, phường, thị trấn). Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo các Bệnh viện được Bảo hiểm xã hội hợp đồng quyết toán kinh phí khám chữa bệnh tại trạm y tế cấp xã chuyển kịp thời kinh phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế phần trạm y tế xã được hưởng vào tài khoản tiền gửi của Trung tâm y tế.

3. Kinh phí phòng dịch, bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm: phòng Tài chính- Kế hoạch cấp huyện chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế và các phòng, ban liên quan phân bổ, tham mưu Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định.

4. Kinh phí ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ mức đóng thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo

Thực hiện theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, các văn bản hướng dẫn Nghị định số 146/2018/NĐ-CP; Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế và chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng vi rút HIV cho người nhiễm HIV/AIDS có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công, phân cấp quản lý mua, cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc rà soát, thẩm định, lập danh sách các đối tượng, cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời.

Trong đó:

a) Chi mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đảm bảo 100% đã được bổ sung có mục tiêu trong dự toán ngân sách cấp huyện. Trên cơ sở số liệu quyết toán của Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổng hợp của

Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi kinh phí còn dư, cấp bổ sung kinh phí còn thiếu cho các đơn vị.

b) Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho học sinh sinh viên, người thuộc hộ gia đình cận nghèo, người làm nghề nông lâm diêm ngư nghiệp có mức sống trung bình, người nhiễm HIV (bao gồm nguồn địa phương tại Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND và Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND: Trên cơ sở báo cáo của Bảo hiểm xã hội tỉnh về số đối tượng và kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ đóng, Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí.

Điều 12. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Đối với chi sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp tỉnh

Sau khi có Quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh và Thông báo của Sở Tài chính về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, cơ quan chủ trì phối hợp với Sở Tài chính phân bổ chi tiết cho theo từng đơn vị và nhiệm vụ chi, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện. Các ngành phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định.

2. Đối với chi sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp huyện

Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp huyện là nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện (bao gồm chi thực hiện chính sách bảo vệ môi trường của các địa phương thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù), được cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương Uỷ ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ, giao dự toán chi trên địa bàn cho phù hợp; trong đó ưu tiên bố trí kinh phí thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt nhất là vùng nông thôn, xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường do khai thác khoáng sản, hoạt động chăn nuôi, nhà máy xử lý rác thải, khắc phục thiệt hại do thủy điện xả lũ,...

3. Quỹ bảo vệ môi trường Nghệ An thực hiện theo Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan quản lý, điều hành sử dụng Quỹ theo quy định tại Quyết định số 81/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Nghệ An.

4. Chi sự nghiệp môi trường thực hiện theo quy định văn bản sau:

a) Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 13. Chi sự nghiệp kinh tế

1. Chi sự nghiệp kinh tế cấp tỉnh

Sau khi có Quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh và Thông báo của Sở Tài chính về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, các sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tư pháp và các ngành có liên quan phân bổ dự toán tới từng đơn vị và thông báo công khai để các đơn vị thực hiện. Sở Tài chính phối hợp với các sở, ngành có liên quan, kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định.

2. Chi sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, kinh tế khác cấp huyện

Các khoản chi sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, kinh tế khác,... cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện (bao gồm chi thực hiện chính sách kiến thiết thị chính và kinh tế khác,... của các địa phương thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù), đã được cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện và điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí chi hoạt động của bộ máy các đơn vị thuộc khối sự nghiệp kinh tế cấp huyện quản lý và các hoạt động sự nghiệp của địa phương (chi kiến thiết thị chính; chi công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi duy tu bảo dưỡng, làm đường giao thông, thuỷ lợi thuộc huyện quản lý; chi xây dựng mô hình kinh tế; chi xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; chi sự nghiệp kinh tế khác,...); căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương Uỷ ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để quyết định phân bổ, giao dự toán chi cho phù hợp.

3. Chi thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn, thuỷ sản và ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

a) Thực hiện theo các văn bản sau:

Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa.

Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025; số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An, số 06/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 về chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 02/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 về chính sách hỗ trợ kinh phí mua, lắp đặt, vận hành thiết bị giám sát hành trình và cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 quy định một số chính sách hỗ trợ và thưởng thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025; số

19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều thuộc hệ thống đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Căn cứ quyết định phân bổ kinh phí của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cấp phát cho các ngành, các đơn vị thuộc cấp tỉnh, cấp phát kinh phí cho cấp huyện bằng hình thức bổ sung có mục tiêu qua ngân sách huyện để quản lý và thanh quyết toán theo quy định hiện hành;

c) Ngân sách tỉnh hỗ trợ trong phạm vi dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị và Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định. Cấp huyện và các đơn vị chịu trách nhiệm tự cân đối bổ sung từ các nguồn để thực hiện các nhiệm vụ trong trường hợp phát sinh vượt dự toán được giao.

4. Chi thực hiện cấp miễn phí ấn phẩm báo và các ấn phẩm của cơ quan Đảng, quỹ nhuận bút Báo Nghệ An, bù cước phát hành Báo Nghệ An

a) Chi thực hiện cấp miễn phí ấn phẩm báo và các ấn phẩm của cơ quan Đảng gồm: xuất bản tờ tin nội bộ (do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phát hành), Bản tin của Đảng ủy các doanh nghiệp Nghệ An, Bản tin của Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Nghệ An; kinh phí cấp báo Nhân dân, báo Nghệ An đến các đối tượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo hướng dẫn của Tỉnh uỷ: Sở Tài chính phối hợp với Văn phòng Tỉnh uỷ, căn cứ vào số lượng đối tượng được hưởng, giá thành các ấn phẩm đã được phê duyệt cấp kinh phí.

b) Quỹ nhuận bút Báo Nghệ An thực hiện theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí và xuất bản và các văn bản hướng dẫn của Tỉnh ủy. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính quyết toán kinh phí hỗ trợ quỹ nhuận bút theo nguyên tắc ngân sách hỗ trợ sau khi đã cân đối tổng các nguồn thu được bổ sung cho Quỹ nhuận bút (nguồn thu từ quảng cáo, phát hành các ấn phẩm báo,...).

c) Kinh phí cấp miễn phí ấn phẩm Báo Tiền phong cho các chi đoàn đặc biệt khó khăn tại 03 huyện theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP: Sở Tài chính thông báo kinh phí để Tỉnh đoàn Nghệ An đặt mua báo cho các Chi đoàn đặc biệt khó khăn của 3 huyện Tương Dương, Kỳ Sơn và Quế Phong.

5. Chi cho công tác quy hoạch

Chi cho công tác quy hoạch thực hiện theo quy định tại Luật Quy hoạch năm 2017; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017; Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch. Nguồn vốn kinh phí thường xuyên để thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và điều chỉnh quy hoạch theo quy định khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và

Đầu tư tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn chi quy hoạch đã được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp kinh tế.

Việc huy động và sử dụng nguồn lực tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị sẽ thực hiện sau khi Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn việc sử dụng kinh phí để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có hiệu lực thi hành theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030.

6. Cơ chế điều hành các khoản chi sự nghiệp kinh tế khác

a) Kinh phí ủy thác nguồn vốn ngân sách địa phương qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Đối với ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế của địa phương, cơ quan tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí dự toán nguồn vốn địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội. Cơ quan tài chính thông báo dự toán ngân sách nhà nước phần vốn địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 69/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Đối với ngân sách cấp xã: Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định trích một phần từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách mình (nếu có) ủy thác cho vay qua Ngân hàng chính sách xã hội huyện đóng trên địa bàn. Nguồn vốn ủy thác cho vay phải được Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước.

b) Kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực khai thác công trình thủy lợi (Hỗ trợ Quỹ khen thưởng và phúc lợi, hỗ trợ khác).

Căn cứ kế hoạch tài chính của các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi và công bố xếp loại doanh nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực thuỷ nông. Căn cứ vào kế hoạch được duyệt của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí cho các đơn vị. Sau khi kết thúc năm, các doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực thuỷ nông có trách nhiệm báo cáo với Sở Tài chính để thẩm định quyết toán số tiền hỗ trợ cùng với quyết toán tài chính năm của công ty.

c) Kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Thực hiện theo các Nghị định của Chính phủ: số 177/2013/NĐ-CP ngày ngày 14 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 quy

định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí năm 2015; số 62/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2018 quy định về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các văn bản khác có liên quan.

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện tốt nguồn kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi và hướng dẫn thực hiện việc quản lý, cấp phát, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định.

d) Kinh phí sự nghiệp giao thông

Căn cứ Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bố trí ngân sách địa phương thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường tỉnh giai đoạn 2022-2025, ngân sách tỉnh bố trí vốn sự nghiệp kinh tế giao thông đường bộ và đường thủy, nguồn vốn trung ương bổ sung mục tiêu cho kinh phí quản lý và bảo trì đường bộ. Căn cứ vào nhu cầu bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa định kỳ đường bộ, đường thủy do tỉnh và huyện quản lý, Sở Giao thông vận tải cùng với Sở Tài chính phân khai danh mục và kinh phí bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ và các khoản chi khác trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán thực hiện theo Thông tư số 113/2020/TT-BTC ngày 30/12/2020 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa; Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí quản lý bảo trì đường bộ; Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và các văn bản hướng dẫn liên quan.

đ) Chi khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư

Thực hiện theo Quyết định số 162/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến nông, khuyến ngư ở địa bàn khó khăn; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông và các văn bản hướng dẫn.

Kinh phí bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ khuyến nông, căn cứ vào chương trình và số lượng học viên từng lớp học, Sở Tài chính thông báo kinh phí từ nguồn đào tạo lại cán bộ cơ sở để tổ chức lớp học cho Trung tâm khuyến nông tỉnh (nhiệm vụ cấp tỉnh thực hiện). Kinh phí đào tạo cấp huyện được cân đối trong ngân sách cấp huyện.

e) Chi khuyến công

Thực hiện theo Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công, Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 5 tháng 10 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Nghệ An và các quy định khác có liên quan.

g) Chi các hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường

Thực hiện theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

h) Một số cơ chế chính sách khác:

Chính sách nâng cấp bến khách, thuyền vận chuyển khách ngang sông theo Quyết định số 49/2008/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp bến khách; đóng, mua mới thuyền vận chuyển khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp xác định đối tượng được hỗ trợ, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí.

Đối với các huyện, thành phố, thị xã và các xã có quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, các hộ gia đình có vườn đạt chuẩn nông thôn mới, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí để khen thưởng cho các huyện, thành phố, thị xã, các xã và các hộ gia đình theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp lựa chọn danh mục công trình phúc lợi trên địa bàn, gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ kinh phí cho đơn vị để thực hiện. Các hộ gia đình có vườn đạt chuẩn nông thôn mới thống nhất với Uỷ ban nhân dân cấp xã tổng hợp đề nghị thưởng, gửi Văn phòng Điều phối Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh thẩm định tổng hợp gửi Sở Tài chính tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định giải quyết kinh phí thưởng cho các hộ gia đình.

Kinh phí bảo vệ phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Hàng năm, trên cơ sở dự kiến thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối với các ngành có liên quan lập phương án phân bổ hỗ trợ cho người trồng lúa theo quy định tại Nghị định: số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ và về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ và về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Thông tư 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của của

Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án phân bổ theo quy định.

- Sở Tài chính chủ trì phối với các ngành có liên quan lập phương án phân bổ các nội dung khác theo quy định tại Nghị định: số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ và về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ và về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Thông tư 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án phân bổ theo quy định.

i) Khuyến khích các cơ quan, đơn vị thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 14. Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội

1. Kinh phí hoạt động bộ máy và chế độ, chính sách đối với các trung tâm bảo trợ xã hội, nhà xã hội thuộc tỉnh quản lý bố trí trong dự toán chi thường xuyên của đơn vị.

Đối với cấp huyện: Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, đã được cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện và điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí chi hoạt động của bộ máy các cở sở cai nghiện ma tuý do cấp huyện quản lý; kinh phí chi trả dịch vụ Bưu điện để thực hiện chi trả trợ cấp chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện chi trả chế độ chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng thông qua tổ chức dịch vụ chi trả (Bưu điện tỉnh) trên địa bàn tỉnh Nghệ An (với mức 1.200.000 đồng/xã, phường, thị trấn/tháng); kinh phí thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng chính sách (chưa được hưởng quà của Trung ương) nhân dịp ngày tết Nguyên đán và ngày thương binh liệt sỹ 27/7, mức quà tặng 300.000 đồng/người/năm, gồm: Tặng quà Tết nguyên đán cho các đối tượng: Con đẻ của người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân, huy chương và người trong gia đình được tặng thưởng Huân, huy chương (huy chương gia đình) còn sống; người phục vụ cho người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng; đại diện thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp tuất người có công hàng tháng các loại: cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, thương binh, bệnh binh, chất độc hóa học; cựu Thanh niên xung phong hưởng trợ cấp hàng tháng và người hưởng trợ cấp hàng tháng theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 về thực hiện chế độ đối với quân

nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương; số 62/2011/TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ chính sách đối với đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc). Tặng quà ngày thương binh liệt sỹ cho các đối tượng: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (lão thành cách mạng) đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945 đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng; Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng; Người hoạt động cách mạng, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đày đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

Các nhiệm vụ chi đảm bảo xã hội do ngân sách cấp huyện đảm bảo (các nhiệm vụ chi hỗ trợ các hoạt động bảo đảm xã hội trên địa bàn, các hoạt động khác tại các nghĩa trang cấp huyện quản lý bao gồm cả hoạt động quản lý, sửa chữa thường xuyên,...); kinh phí thực hiện công tác quản lý đối tượng bảo trợ xã hội,... Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để quyết định phân bổ, giao dự toán chi sự nghiệp bảo đảm xã hội cho phù hợp; chủ động chi trả kịp thời cho các đối tượng thụ hưởng chính sách bảo trợ xã hội trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Kinh phí chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Bố trí trong dự toán chi thường xuyên đối với các trung tâm bảo trợ xã hội, nhà xã hội thuộc tỉnh quản lý; bổ sung có mục tiêu trong dự toán chi ngân sách cấp huyện.

3. Kinh phí thực hiện chế độ mai táng phí đối với các đối tượng theo quy định tại các văn bản sau:

Các Nghị định của Chính phủ: số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh, số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP; số 112/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 – 1975.

Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; số 142/2008/QĐ-TTg; số 38/2010/QĐ-TTg ngày ngày 06

tháng 5 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg; số 53/2010/QĐ-TTg; số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 quy định chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến, số 62/2011/QĐ-TTg; số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

Sở Lao động Thương binh và Xã hội xét duyệt, tổng hợp danh sách đối tượng và thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách (lấy ý kiến Sở Tài chính về nguồn kinh phí thực hiện chính sách), trình Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định giải quyết kinh phí cho các đơn vị triển khai thực hiện.

4. Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc gia đình hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 – 2025. Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp danh sách đối tượng và thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi kinh phí còn dư, cấp bổ sung kinh phí còn thiếu cho các đơn vị triển khai thực hiện.

5. Kinh phí thực hiện Chương trình cai nghiện và giải quyết việc làm sau cai quy định tại Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về một số chế độ hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Sở Lao động Thương binh và Xã hội thẩm định, gửi Sở Tài chính tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ cho các đơn vị thực hiện.

6. Kinh phí thực hiện Quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thực hiện hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT - BLĐTBXH - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính:

Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp danh sách đối tượng và thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định giải quyết kinh phí cho các đơn vị triển khai thực hiện. Uỷ ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ và chi trả kinh phí cho các đối tượng.

7. Hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện

Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được nhà nước hỗ trợ tiền đóng theo tỷ lệ % trên mức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn (thời gian hỗ trợ tối đa 10 năm) theo Luật Bảo hiểm xã hội

về bảo hiểm xã hội tự nguyện, Nghị định 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện và Thông tư hướng dẫn số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp số đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, số tiền thu của đối tượng và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí.

Điều 15. Sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục thể thao, du lịch, phát thanh truyền hình

1. Đối với sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục thể thao, du lịch cấp tỉnh

Sau khi có quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh và thông báo của Sở Tài chính về giao dự toán ngân sách nhà nước, Sở Văn hoá - Thể thao, Sở Du lịch căn cứ dự toán được giao phân bổ dự toán tới từng đơn vị, thông báo công khai để các đơn vị biết và thực hiện. Sở Tài chính phối hợp với Sở Văn hoá - Thể thao, Sở Du lịch, kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác thẩm tra xét duyệt quyết toán hàng năm theo chế độ quy định.

2. Chi sự nghiệp văn hoá, thể thao, truyền thông, du lịch cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, đã được cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện và điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí chi hoạt động của các bộ máy thuộc khối sự nghiệp văn hoá, thể thao và truyền thông; chính sách khen thưởng các danh hiệu văn hoá trong phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh; các hoạt động liên quan đến sự nghiệp văn hoá, thể thao và truyền thông, du lịch trên địa bàn; kinh phí cho các hoạt động nghiệp vụ đặc thù, mua sắm, sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất,... Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ, giao dự toán cho phù hợp.

- Đối với kinh phí hỗ trợ cho người trông coi tại các khu di tích đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh, áp dụng theo quy định tại Điều 3, Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Giao Sở Văn hóa - Thể thao thẩm định nhu cầu kinh phí tổng hợp gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định giải quyết kinh phí để chi trả cho các đối tượng.

3. Đối với sự nghiệp phát thanh truyền hình

Sau khi có quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh về bố trí ngân sách và thông báo dự toán ngân sách trong năm của Sở Tài chính, Thủ trưởng đơn vị dự toán tiến hành phân bổ chi tiết các nội dung chi gửi Sở Tài chính để thẩm định và giao dự toán.

Điều 16. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình đề án

1. Đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia:

Về quản lý và phân bổ kinh phí: Căn cứ vào chỉ tiêu vốn chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, cơ quan chủ trì quản lý chương trình chủ trì, phối hợp với các chủ dự án thành phần, các sở, ngành, đơn vị có liên quan phân bổ chi tiết theo mục tiêu, nhiệm vụ trình Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định. Đồng thời, đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

Về bố trí vốn đối ứng: Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, nguồn lực địa phương bố trí đối ứng theo quy định của Trung ương được huy động từ nhiều nguồn lực: Ngân sách địa phương bố trí lồng ghép trong nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, cơ chế chính sách; vốn đầu tư công ngân sách địa phương; huy động các nguồn hợp pháp khác,...

2. Đối với các chương trình đề án:

Căn cứ vào chỉ tiêu vốn chương trình đề án, cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì quản lý chương trình đề án phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan để phân bổ chi tiết theo mục tiêu, nhiệm vụ, gửi Sở Tài chính trình Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định.

Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch chương trình đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thực hiện cấp phát cho các đơn vị thụ hưởng theo đúng quy định. Đối với ngân sách cấp huyện xã, các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện xã là đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không phải là đơn vị trực thuộc của cơ quan chủ trì quản lý chương trình đề án, thì cơ quan chủ trì quản lý chương trình đề án đề nghị Sở Tài chính cấp qua ngân sách cấp dưới để thực hiện. Đối với các đơn vị khác còn lại trực tiếp thực hiện chương trình đề án thì cơ quan chủ trì quản lý chương đề án trình ký hợp đồng và thanh toán giải ngân thông qua tài khoản của cơ quan chủ quản quản lý chương trình đề án.

Điều 17. Chi quốc phòng - an ninh

1. Chi quốc phòng - an ninh cấp tỉnh

a) Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị và Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định, uỷ quyền Giám đốc Sở Tài chính thông báo dự toán chi tới các đơn vị dự toán cấp I. Trên cơ sở nhiệm vụ chi thường xuyên theo quy định của Liên Bộ Tài chính - Quốc phòng - Công an và các quy định hiện hành khác để phân bổ kinh phí chi của các đơn vị (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh). Đối với nhiệm vụ chi hỗ trợ đột xuất, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương để quyết định hỗ trợ cho các đơn vị đóng trên địa bàn trong trường hợp cấp thiết nhằm đảm bảo ổn định tình hình kinh tế, xã hội và trật tự an toàn của địa phương; đồng thời, tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

b) Kinh phí huấn luyện quân dự bị động viên hàng năm theo kế hoạch của tỉnh: ngân sách cấp tỉnh cân đối và cấp qua Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh để thực hiện việc chi trả.

c) Kinh phí mua trang phục dân quân tự vệ theo Luật dân quân tự vệ năm 2019: Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Dân quân tự vệ năm 2019 về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ: ngân sách tỉnh cân đối và cấp qua Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

d) Đối với xã, thị trấn chưa tổ chức công an chính quy: Kinh phí mua trang phục công an xã theo Luật Công an nhân dân năm 2018; kinh phí mua trang thiết bị công an xã theo Nghị quyết số 171/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh; kinh phí mua sắm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy đối với Đội dân phòng theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025: ngân sách tỉnh cân đối và cấp qua Công an tỉnh.

đ) Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ công tác đấu tranh với tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An và kinh phí thực hiện Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Cơ quan chủ trì (Công an tỉnh) phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ để các ngành, đơn vị và địa phương thực hiện.

e) Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2030 và Đề án "Tăng cường trang bị phương tiện, trang thiết bị bảo đảm yêu cầu công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025": Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

2. Chi quốc phòng - an ninh cấp huyện

Được cân đối trong dự toán chi ngân sách cấp huyện. Các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương để phân bổ, giao dự toán chi hỗ trợ cho các hoạt động bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn theo phân cấp, bao gồm kinh phí hoạt động của các tiểu đội dân quân thường trực, các trung đội, tiểu đội cơ động, binh chủng do cấp huyện quản lý; kinh phí thực hiện Đề án số 449/ĐA-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ chính sách cho dân quân tự vệ giai

đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh,...

3. Để tăng cường công tác quản lý tài chính, ngân sách đối với các đơn vị thuộc khối quốc phòng - an ninh (kể cả đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện để hỗ trợ khối quốc phòng an ninh), Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh tổng hợp nhu cầu đột xuất của các đơn vị trực thuộc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xem xét, xử lý bổ sung kinh phí quốc phòng, an ninh cho các đơn vị trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng các cơ quan: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh.

4. Kinh phí chi trả phụ cấp Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025: Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện.

Điều 18. Chi quản lý hành chính nhà nước

1. Chi quản lý hành chính nhà nước của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị được bố trí trong dự toán ngân sách cùng cấp. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được Hội đồng nhân dân quyết nghị, Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định và Sở Tài chính thông báo, các ngành, các huyện phải tổ chức thực hiện theo đúng dự toán được duyệt. Chi quản lý hành chính nhà nước cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, đã cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện và điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí chi hoạt động bộ máy và các hoạt động quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Uỷ ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để phân bổ dự toán đảm bảo phù hợp.

2. Dự toán chi ngân sách của cơ quan Đảng được cân đối vào dự toán chi ngân sách cùng cấp. Cơ quan tài chính các cấp thực hiện việc cấp phát kinh phí cho cơ quan Đảng các cấp theo quy định của Liên bộ Tài chính - Ban Tài chính quản trị Trung ương. Chi cơ quan Đảng cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, đã cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện và điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí chi hoạt động bộ máy và các hoạt động, đặc thù của cơ quan Đảng theo quy định. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương Uỷ ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để quyết định phân bổ, giao dự toán chi đảm bảo phù hợp.

3. Chi hoạt động Mặt trận tổ quốc Việt nam và các Đoàn thể cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, đã cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện và điều hành trên nguyên tắc đảm bảo kinh phí chi hoạt động các bộ máy, các hoạt động của Mặt trận tổ quốc Việt nam và các Đoàn thể cấp huyện trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương

Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để quyết định phân bổ, giao dự toán đảm bảo phù hợp.

4. Kinh phí chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp huyện, được cân đối trong tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện trên nguyên tắc đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn (bao gồm kinh phí hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc trên địa bàn huyện khi thực hiện chức trách nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn huyện). theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đảm bảo kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện và của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện chức trách nhiệm vụ trên địa bàn huyện. theo kế hoạch trong phạm vi dự toán được giao.

5. Đối với kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các Hội thực hiện theo Thông tư số 01/2011/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2011 của Bộ Tài chính về quy định việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao; việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho hội và Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các quy định khác có liên quan.

6. Kinh phí các đoàn thanh tra, kiểm tra; kinh phí bồi dưỡng công chức thanh tra chuyên ngành.

a) Căn cứ quyết định, chủ trương thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính thẩm định dự toán và cấp kinh phí cho các đơn vị thực hiện.

b) Kinh phí bồi dưỡng công chức thanh tra chuyên ngành theo Quyết định số 12/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ: sau khi kết thúc cuộc thanh tra, trên cơ sở hồ sơ của đơn vị trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Tài chính thẩm định dự toán và cấp kinh phí cho các đơn vị thực hiện.

c) Định kỳ 6 tháng và cả năm, giao Sở Tài chính tổng hợp số liệu đã xử lý cho các đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Kinh phí thực hiện kế hoạch cải cách hành chính

Các ngành, đơn vị và địa phương thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023 theo Kế hoạch được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong phạm vi dự toán chi thường xuyên năm 2023 được giao.

Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thực hiện việc áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông từ nguồn tài chính của đơn vị sự

nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác: Thực hiện việc áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông từ nguồn tài chính của cơ quan, đơn vị và được hạch toán và quyết toán vào chi phí hoạt động của đơn vị

Đối với các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh ngoài nhiệm vụ thường xuyên, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ báo cáo Sở Nội vụ thẩm tra; gửi Sở Tài chính (nhiệm vụ chi thường xuyên), Sở Kế hoạch và Đầu tư (nhiệm vụ chi đầu tư phát triển) thẩm định, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

8. Các chế độ, chính sách phụ cấp đã bố trí trong dự toán của các cấp, các ngành, các đơn vị, gồm:

a) Kinh phí thực hiện Thông báo số 13-TB/TW ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Chính trị về việc sửa đổi những bất hợp lý về tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, đoàn thể, chính trị - xã hội (cấp tỉnh và cấp huyện); chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội đặc thù cấp tỉnh theo Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Đối với các hội đặc thù cấp huyện, đã bố trí hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động vào dự toán đầu năm của cấp huyện để các hội thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao.

b) Kinh phí chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban chấp hành Trung ương:

Đối với cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp thì kinh phí hoạt động công tác đảng của chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở được sử dụng từ dự toán chi thường xuyên được giao đầu năm của đơn vị;

Đối với các doanh nghiệp do nhà nước nắm cổ phần chi phối và các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên được hạch toán vào chi phí của đơn vị;

Đối với các đảng bộ, chi bộ cơ sở ngoài doanh nghiệp nhà nước được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ kinh phí qua Đảng ủy cấp trên trực tiếp.

c) Kinh phí bố trí trong dự toán chi thường xuyên năm 2023 của các đơn vị để thực hiện các quy định sau: Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ sinh hoạt phí đối với ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh và cấp huyện; Quyết định số 78/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với uỷ viên Ủy ban Đoàn kết công giáo trên địa bàn tỉnh Nghệ An; chính sách hỗ trợ cựu chiến binh cấp huyện khi thôi làm công tác Hội theo Nghị định 150/2006/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

d) Kinh phí chi trả phụ cấp cho cán bộ lâm nghiệp xã (bố trí trong dự toán của Chi cục Kiểm lâm).

Điều 19. Chi ngân sách cấp xã

1. Uỷ ban nhân dân cấp xã căn cứ quyết định của Uỷ ban nhân dân cấp huyện về giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị giao dịch làm căn cứ thanh toán và kiểm soát chi.

Việc quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính và tại Quyết định này.

2. Dự toán chi ngân sách cấp xã đã cân đối thực hiện các nhiệm vụ chi sau:

a) Chi quản lý hành chính nhà nước cấp xã, gồm:

Quỹ lương cán bộ, công chức cấp xã: Dự toán ngân sách xã đảm bảo quỹ lương cán bộ, công chức cấp xã theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng trên cơ sở số lượng biên chế cán bộ, công chức theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Đối với các xã có số lượng cán bộ, công chức xã có mặt cao hơn số lượng được quy định tại Nghị định 34/2019/NĐ-CP thì được đảm bảo quỹ lương được tính theo số lượng cán bộ, công chức xã hiện có.

Phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở xóm, khối, bản; kinh phí bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của xóm, khối, bản và kinh phí hoạt động đối với Tổ dân vận xóm, khối, bản thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 22/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 về số lượng, chức danh, mức phụ cấp, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác ở xã, phường, thị trấn và xóm, khối, bản trên địa bàn tỉnh Nghệ An và số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND; Theo đó, quy định mức khoán phụ cấp đối với các chức danh hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp xóm cơ bản bằng mức khoán theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ.

Chi hỗ trợ uỷ viên Thường trực Mặt trận Tổ quốc, uỷ viên Thường vụ các đoàn thể ở cấp xã thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 315/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chi hỗ trợ cộng tác viên kiêm nhiệm làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở xóm, khối, bản thực hiện theo quy định tại Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2012 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về bố trí cộng tác viên kiêm nhiệm làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở xóm, khối, bản trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Chi hoạt động quản lý hành chính cấp xã được bố trí theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đã bao gồm: Kinh phí khen thưởng; Kinh phí hoạt động cho Mặt trận Tổ quốc cấp xã với mức 30 triệu đồng/xã/năm đối với xã loại I, 25 triệu đồng/xã/năm đối với xã loại II, 20 triệu đồng/xã/năm đối với xã loại III; Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân quy định về nội dung chi và mức chi kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo mức tối thiểu 20 triệu đồng/xã/năm; Kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng tối thiểu 10 triệu đồng/xã/năm; Kinh phí tiếp xúc cử tri, đối thoại; Đón tiếp, thăm hỏi chúc mừng đối với một số đối tượng do Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã thực hiện; Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật; Kinh phí hỗ trợ hoạt động quản lý các quỹ cấp xã; Kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh quy định tại Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân; xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn; Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh quy định tại Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn thường xuyên; Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ hoạt động quản lý hành chính cấp xã, cấp xóm,... Việc phân bổ chi tiết kinh phí hoạt động quản lý hành chính đối với từng xã được UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết nghị phân bổ theo quy định hiện hành và phù hợp tình hình thực tế tại địa phương.

Chi hoạt động hội đồng nhân dân cấp xã theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Chi hỗ trợ các hội cấp xã.

Chi hoạt động Đảng cấp xã bao gồm: Kinh phí phụ cấp trách nhiệm Đảng ủy viên cấp xã theo quy định tại Quyết định số 169/QĐ-TW ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ban Bí thư về chế độ phụ cấp trách nhiệm cấp ủy viên các cấp; kinh phí thực hiện Đề án số 01-ĐA/TU ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng chi bộ, phát triển đảng viên ở các khối, xóm bản chưa có chi bộ, chưa có đảng viên và khối, xóm, bản có nguy cơ không còn chi bộ; chi hỗ trợ hoạt động của tổ chức đảng cơ sở được bố trí dựa trên khả năng cân đối ngân sách để hỗ trợ kinh phí thực hiện theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về quy định chế độ chi

hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở.

b) Chi hỗ trợ sự nghiệp bảo đảm xã hội đã bao gồm trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo quy định tại Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng; Kinh phí tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi được quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

c) Chi quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội đã cân đối đảm bảo chế độ phụ cấp theo Luật Dân quân tự vệ và Luật Công an nhân dân (không bao gồm kinh phí mua sắm quân trang) và kinh phí phụ cấp hàng tháng đối với Thôn đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Công an viên, Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố, Tổ viên tổ bảo vệ dân phố theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Hỗ trợ chi quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội được bố trí theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Việc phân bổ chi tiết kinh phí hỗ trợ chi quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội đối với từng xã được UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết nghị phân bổ theo quy định hiện hành và phù hợp tình hình thực tế tại địa phương.

d) Chi hỗ trợ sự nghiệp giáo dục đã bao gồm kinh phí hỗ trợ cho Hội Khuyến học và Trung tâm học tập cộng đồng.

đ) Chi hỗ trợ hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền thanh được bố trí theo quy định tại điểm đ, khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Việc phân bổ chi tiết kinh phí hỗ trợ hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền thanh đối với từng xã được UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết nghị phân bổ theo quy định hiện hành và phù hợp tình hình thực tế tại địa phương.

Đối với kinh phí hỗ trợ một số chính sách khen thưởng các danh hiệu văn hóa trong Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" theo phân cấp theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Trên cơ sở dự toán kinh phí bố trí, Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì phân bổ chi tiết (lấy ý kiến Sở Tài chính về nguồn kinh phí thực hiện chính sách) trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ khen thưởng danh hiệu "Gia đình văn hóa" 3 năm liên tục tiêu biểu được tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa tiêu biểu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận lần đầu.

e) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường được bố trí theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

g) Chi hỗ trợ các hoạt động kinh tế đã bao gồm kinh phí trả thù lao, trang bị bảo hộ lao động cho lực lượng quản lý đê nhân dân và chi hỗ trợ các hoạt động

kinh tế theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

h) Chi hỗ trợ phòng chống dịch bệnh, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được bố trí theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Bộ phận Tài chính - kế toán xã, phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện công tác kế toán, lập báo cáo kế toán chi ngân sách xã theo chế độ hiện hành.

4. Thực hiện điểm e, khoản 3, Điều 11, Mục 2, Chương II tại Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn, phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra phân bổ dự toán ngân sách cấp xã, trường hợp dự toán phân bổ chưa phù hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành Nghị quyết điều chỉnh dự toán theo kết quả thẩm tra, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước cùng cấp để phối hợp điều chỉnh dự toán cấp 0 trên hệ thống Tabmis. Phòng Tài chính - kế hoạch cấp huyện hoàn thành công tác thẩm tra phân bổ dự toán ngân sách cấp xã trước ngày 31 tháng 3 của năm hiện hành; có trách nhiệm phối hợp với Kho bạc Nhà nước cùng cấp để thực hiện việc điều chỉnh dự toán ngân sách cấp xã kịp thời và đúng quy định.

Điều 20. Điều hành ngân sách dự phòng

1. Các cấp chính quyền địa phương được bố trí khoản dự phòng tối thiểu 2% trên tổng chi cân đối của ngân sách cùng cấp và tối thiểu bằng số Bộ Tài chính giao (không tính các khoản ghi thu - ghi chi, các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên,...) và được cơ quan tài chính trình Uỷ ban nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng. Hàng quý, cơ quan tài chính các cấp tổng hợp tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách, trình Ủy ban nhân dân, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Dự phòng ngân sách được sử dụng các nhiệm vụ sau:

a) Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán; kinh phí duy tu bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều thuộc hệ thống đê điều do địa phương quản lý theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND; kinh phí thực hiện Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Chi hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu.

c) Chi hỗ trợ các địa phương khác theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Các đơn vị có nhiệm vụ chi đột xuất phát sinh trước hết phải sắp xếp lại các nhiệm vụ chi trong dự toán được giao, sử dụng dự phòng ngân sách của cấp huyện, của ngành, kinh phí sự nghiệp, kinh phí phân bổ sau của các ngành. Trong 6 tháng đầu năm, ưu tiên xem xét xử lý dự phòng ngân sách tỉnh phục vụ những nhiệm vụ có nhu cầu về kinh phí lớn để phòng chống, khắc phục hậu quả dịch bệnh, thiên tai, hoả hoạn, tai nạn lớn xảy ra, những nhiệm vụ quốc phòng - an ninh cấp thiết và các nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán.

Điều 21. Chấp hành ngân sách nhà nước

1. Tổ chức điều hành ngân sách

a) Trên cơ sở nhiệm vụ thu cả năm được giao và nguồn thu dự kiến phát sinh trong quý, cơ quan thu lập dự toán thu ngân sách quý gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20 tháng cuối quý trước.

b) Cơ quan tài chính căn cứ vào khả năng nguồn thu và nhu cầu chi trong quý, lập phương án điều hành ngân sách quý của cấp mình bảo đảm nguồn để chi trong dự toán, đúng chế độ. Riêng tiền sử dụng đất, phần bố trí chi đầu tư phát triển điều hành như sau:

Phần ngân sách tỉnh hưởng: Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi đầu tư phát triển, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kinh phí cho các dự án của tỉnh trên cơ sở tiến độ thu tiền sử dụng đất. Về trả nợ gốc: Sở Tài chính tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí trả nợ theo kỳ trả nợ đã thỏa thuận tại các Hợp đồng vay đã ký với nhà tài trợ, Hợp đồng cho vay lại ký với Bộ Tài chính,... Trong quá trình thực hiện nếu thu tiền sử dụng đất không đạt dự toán, giao Sở Tài chính tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh để thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh giảm vốn chi đầu tư phát triển, chi trả nợ gốc, nguồn chi bồi thường giải phóng mặt bằng đã bố trí từ nguồn tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh hưởng giảm tương ứng với số giảm dự toán.

Phần ngân sách cấp huyện hưởng: Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ vào tiến độ thu tiền sử dụng đất để thông báo và nhập dự toán trên hệ thống Tabmis cho các công trình dự án theo tiến độ thu ngân sách, đảm bảo cân đối với phần vốn mà ngân sách cấp huyện hưởng. Trong quá trình thực hiện nếu thu tiền sử dụng đất không đạt dự toán, Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Uỷ ban nhân dân cấp huyện thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để điều chỉnh giảm vốn chi đầu tư phát triển đã bố trí từ nguồn tiền sử dụng đất giảm tương ứng.

Phần ngân sách cấp xã hưởng: Ban Tài chính căn cứ vào tiến độ thu tiền sử dụng đất gửi Kho bạc Nhà nước cấp huyện nhập dự toán trên hệ thống Tabmis cho các công trình dự án theo tiến độ thu ngân sách, đảm bảo cân đối với phần vốn mà ngân sách cấp xã hưởng. Trong quá trình thực hiện nếu thu tiền sử dụng đất không đạt dự toán, Ban Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để điều chỉnh giảm vốn chi đầu tư phát triển đã bố trí từ nguồn tiền sử dụng đất giảm tương ứng.

Sở Tài chính cân đối phần ngân sách tỉnh hưởng tiền sử dụng đất để điều hành các nhiệm vụ theo tỷ lệ các nguồn vốn đã phân bổ.

c) Dự toán giao cho các ngành, các đơn vị cấp tỉnh và các đơn vị cấp huyện đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên và một phần nguồn thu để thực hiện nguồn cải cách tiền lương theo quy định. Đối với kinh phí sự nghiệp ngành: các ngành chủ động dự kiến phương án phân bổ 70% kinh phí sự nghiệp ngành được giao, gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 01 năm 2023. Sở Tài chính thông báo ngay từ đầu năm để các ngành triển khai thực hiện. Việc phân bổ phải bao quát hết các nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên có tính chất sự nghiệp ngành trong năm. Trong năm, nếu có phát sinh ngoài dự kiến đầu năm thì các ngành chủ động sắp xếp lại nguồn sự nghiệp ngành (bao gồm cả phần 70% đã phân bổ và phần 30% chưa phân bổ) để đảm bảo, gửi Sở Tài chính thống nhất phương án phân bổ lại. Trường hợp không thể sắp xếp được, căn cứ nhiệm vụ chi, Sở Tài chính tham mưu trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi

Đối với vốn cấp phát từ ngân sách trung ương: Trong phạm vi dự toán từng lĩnh vực chi ngân sách nhà nước đã được giao, các chủ đầu tư căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân, báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với chi đầu tư phát triển), Sở Tài chính (đối với chi thường xuyên) tổng hợp, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh điều chỉnh dự toán giữa các chương trình, dự án, nhiệm vụ đủ thủ tục, điều kiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với chi đầu tư phát triển), tổng hợp báo cáo Chính phủ và theo dõi thực hiện, đồng gửi Bộ Tài chính kiểm soát giải ngân; Bộ Tài chính (đối với chi thường xuyên) để tổng hợp, theo dõi và kiểm soát giải ngân.

Nguồn địa phương vay lại Chính phủ vốn vay nước ngoài: Thực hiện giải ngân trong phạm vi dự toán tổng mức vay và bội chi ngân sách của địa phương đã được Quốc hội quyết định. Đối với các địa phương có nghĩa vụ thực hiện trả nợ gốc đến hạn, lãi vay và các khoản phí đối với các dự án sử dụng vốn địa phương vay lại Chính phủ vốn vay nước ngoài: Uỷ ban nhân dân cấp huyện căn cứ Hiệp định vay giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài, Hợp đồng vay lại giữa Bộ Tài chính và Uỷ ban nhân dân tỉnh, phương án vay và trả nợ cho dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự kiến tiến độ giải ngân cho dự án, chủ động báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí từ nguồn tiền đất để thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và phí có liên quan trong dự toán ngân sách cấp huyện năm 2023. Thực hiện chuyển trả các khoản nợ gốc, lãi và phí vào ngân sách cấp tỉnh trước 10 ngày làm việc của kỳ trả nợ đến hạn đã cam kết theo Hợp đồng cho vay lại để có nguồn thực hiện trả nợ đúng hạn cho Bộ Tài chính.

Trường hợp địa phương không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ có liên quan theo cam kết với Bộ Tài chính và nhà tài trợ nước ngoài, uỷ quyền cho Sở Tài chính giảm trừ dự toán bổ sung cân đối cho ngân sách cấp huyện tương ứng với nghĩa vụ chưa thực hiện. Địa phương phải chịu trách nhiệm giải trình với Sở Tài chính và Uỷ ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu toàn bộ các khoản phí phát sinh đối với toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với kỳ trả nợ chậm trả cho Bộ Tài chính.

2. Đối với nguồn vốn viện trợ không hoàn lại

a) Các ngành, đơn vị và địa phương thực hiện ghi thu ghi chi nguồn viện trợ không hoàn lại nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước trong phạm

vi dự toán được giao theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành theo Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, quyết định tiếp nhận của cấp có thẩm quyền và văn kiện viện trợ đã ký kết.

b) Trong tổ chức thực hiện phát sinh nhu cầu ghi thu ghi chi vượt dự toán được giao hoặc phát sinh khoản viện trợ mới chưa được giao dự toán đầu năm:

Đối với các chi từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại cho chương trình, dự án từ nguồn chi đầu tư phát triển: Chủ khoản viện trợ gửi đề xuất tới Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan chủ trì) trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (các chương trình, dự án thuộc nguồn thu của ngân sách Trung ương); trình Hội đồng nhân dân tỉnh (các chương trình, dự án thuộc nguồn thu ngân sách địa phương).

Đối với các khoản chi từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại hỗ trợ trực tiếp ngân sách địa phương, phi dự án, viện trợ thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên: Chủ khoản viện trợ gửi đề xuất tới Sở Tài chính trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính (đối với vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách Trung ương); báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách địa phương) để trình cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

c) Thực hiện ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (viết tắt là Tabmis), ngoài các nội dung phân bổ, giao dự toán tại quy định này, các ngành, các cấp và các đơn vị tham gia Tabmis có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại các văn bản sau:

Các Thông tư của Bộ Tài chính: số 77/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 hướng dẫn kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước; số 19/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2017/TT-BTC; số 324/2016/TT-BTC; số 93/2019/TT-BTC; số 123/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc nhà nước; số 111/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; số 99/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2021 hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ. Quyết định số 1111/QĐ-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành quy chế mẫu phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện nhập dự toán chi ngân sách và Lệnh chi tiền của ngân sách địa phương vào TABMIS. Công văn số 15602/BTC-KBNN ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền ngân sách địa phương.

3. Các khoản chi kinh phí uỷ quyền

a) Khi thực hiện phân bổ và giao kinh phí uỷ quyền, cơ quan uỷ quyền cho cơ quan cấp dưới được uỷ quyền là đơn vị dự toán đặc biệt và thực hiện phân bổ, giao dự toán như đối với các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc; đồng thời gửi Ủy

ban nhân dân cùng cấp với cơ quan được uỷ quyền biết để phối hợp chỉ đạo thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí uỷ quyền đúng mục đích, đúng chế độ quy định.

b) Việc chi trả, thanh toán các khoản kinh phí uỷ quyền được thực hiện theo hình thức rút dự toán nếu là uỷ quyền về kinh phí thường xuyên và cấp phát, thanh toán vốn đầu tư nếu là uỷ quyền về vốn đầu tư. Khi cấp phát, thanh toán các khoản kinh phí uỷ quyền, thực hiện hạch toán vào chương và cấp ngân sách của đơn vị uỷ quyền.

c) Kho bạc Nhà nước và đơn vị được uỷ quyền thực hiện kế toán, báo cáo riêng các khoản chi về kinh phí uỷ quyền. Đơn vị được uỷ quyền thực hiện báo cáo quyết toán kinh phí trực tiếp với đơn vị uỷ quyền; đơn vị uỷ quyền xét duyệt và tổng hợp chung vào quyết toán ngân sách của mình theo quy định.

4. Quản lý nhà nước đối với tài sản công

a) Thực hiện theo các văn bản sau:

Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017;

Các Nghị định của Chính phủ: số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Các Thông tư của Bộ Tài chính: số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017; số 37/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2018 hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An,... và các văn bản khác có liên quan.

b) Số tiền thu được từ xử lý (bán, chuyển nhượng, thanh lý...) tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các trường hợp sắp xếp lại, xử lý nhà, đất), tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản được trang bị để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư, quản lý và khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng phải nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công là Sở Tài chính làm chủ tài khoản (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh quyết định xử lý) và nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do

cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công là Phòng Tài chính – kế hoạch cấp huyện làm chủ tài khoản (đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định xử lý) theo quy định tại Điều 48, Điều 62, Điều 94, Điều 103, Điều 112 Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017, Điều 36, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. Định kỳ hàng quý, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp số tiền thu được từ xử lý, khai thác tài sản công (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan).

5. Mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung

Thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo Quyết định 640/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung, phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các văn bản liên quan. Việc phân bổ dự toán mua sắm tài sản nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công và chấp hành đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ về trang thiết bị.

6. Chấp hành ngân sách nhà nước trong điều kiện có biến động về thu, chi ngân sách địa phương và các cơ chế chính sách thay đổi dự toán các cấp.

Trường hợp số thu ngân sách nhà nước không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân quyết nghị, Uỷ ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp rà soát, cắt giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, dành nguồn dự phòng ngân sách địa phương và sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp khác để bù đắp giảm thu. Sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi tương ứng và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương, kịp thời báo cáo ngân sách cấp trên xem xét, hỗ trợ. Trường hợp phát sinh nhu cầu điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước các cấp ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết nghị, thực hiện theo khoản 16 và khoản 17, Điều 21 của quy định này.

7. Sử dụng số tăng thu so với dự toán được giao

Cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan tổng hợp, trình Uỷ ban nhân dân cùng cấp phương án sử dụng, thống nhất ý kiến với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi thực hiện.

8. Điều hành bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu

a) Chi bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới và bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: Căn cứ dự toán bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được cấp có thẩm quyền giao và đã nhập vào hệ thống Tabmis; căn cứ nhu cầu thực hiện nhiệm vụ chi, hàng tháng cơ quan Tài chính cấp dưới chủ động rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Mức rút dự toán hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ mức rút dự toán có thể cao hơn mức bình quân trên, song tổng mức rút dự toán cả quý I không được vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp dưới phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp trên xem xét, quyết định. Trường hợp ngân sách cấp dưới được ứng trước từ ngân

sách cấp trên, cần phải thu hồi trong dự toán bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới năm 2023, Sở Tài chính, phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo cho Kho bạc Nhà nước trừ số thu hồi vào dự toán đầu năm đã giao cho địa phương; phần dự toán còn lại chia đều trong năm để rút. Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 của tháng sau, Kho bạc Nhà nước các cấp thực hiện tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về kết quả rút dự toán chi bổ sung cân đối của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trong tháng trước.

b) Đối với bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới (bao gồm cả bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán, trừ bổ sung tiền lương tăng thêm): Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, trên cơ sở xem xét hồ sơ thủ tục theo quy định hiện hành, cơ quan Tài chính thông báo bổ sung ngoài dự toán cho Uỷ ban nhân dân và phòng Tài chính - Kế hoạch cấp dưới (ngân sách cấp sử dụng). Căn cứ vào thông báo của cơ quan Tài chính cấp trên, cơ quan Tài chính cấp dưới (Uỷ ban nhân dân cấp xã nếu ngân sách cấp sử dụng là cấp xã) thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Mức rút dự toán tối đa không quá mức bổ sung theo thông báo của cơ quan Tài chính cấp trên.

c) Đối với bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được rút ngay từ đầu năm, sẽ được kiểm soát trong quá trình thực hiện. Giao các cơ quan chủ quản xác định đối tượng và thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi kinh phí còn dư, cấp bổ sung kinh phí còn thiếu cho các đơn vị thực hiện.

d) Đối với bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được rút khi có hồ sơ được thẩm định, thông báo bổ sung. UBND cấp dưới chủ động triển khai thực hiện ngay từ đầu năm và hoàn thiện các thủ tục hồ sơ theo quy định, gửi Sở Tài chính thẩm định thông báo mức rút dự toán bổ sung, đồng thời nhập dự toán trên hệ thống Tabmis cho ngân sách cấp dưới thực hiện. Mức rút tối đa không được vượt quá mức bổ sung theo thông báo của cơ quan tài chính cấp trên.

9. Tạm ứng ngân sách địa phương

Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, để kịp thời thực hiện các nhiệm vụ chi xét thấy cần thiết, cấp bách nhưng chưa có nguồn xử lý hoặc trong thời gian Trung ương chưa bổ sung kịp nguồn kinh phí theo cơ chế cho địa phương như chính sách an sinh xã hội; khắc phục hậu quả thiên tai; phòng, chống dịch; thực hiện các nhiệm vụ chính trị xã hội theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền...: trên cơ sở báo cáo của các ngành, đơn vị và địa phương, cơ quan tài chính tham mưu Uỷ ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định tạm ứng ngân sách để kịp thời thực hiện; đồng thời báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán theo các Quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền để đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ cho các ngành, đơn vị, địa phương thực hiện.

10. Ứng trước dự toán ngân sách năm sau

Việc chi ứng trước và thu hồi các khoản ứng trước ngân sách năm trước cho năm sau thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các

văn bản hướng dẫn. Thực hiện việc ứng trước dự toán chi đầu tư đầu tư phát triển của năm sau phải đảm bảo theo đúng quy định của Luật đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và văn bản hướng dẫn thực hiện. Các dự án, công trình quốc gia và công trình xây dựng cơ bản, đủ điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng, thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cần đẩy nhanh tiến độ; không còn số dư ứng trước dự toán ngân sách,...

11. Bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương

Các ngành, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương để tích lũy nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương trong năm 2023, bao gồm: Từ 01 tháng 01 năm 2023, thực hiện điều chỉnh tăng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cán bộ y tế dự phòng và y tế cơ sở theo Kết luận số 25 – KL/TW ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Chính trị; từ 01 tháng 7 năm 2023 thực hiện tăng lương cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức lên mức 1,8 triệu đồng/tháng; tăng 12,5% lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho đối tượng do ngân sách nhà nước bảo đảm và hỗ trợ thêm đối với người nghỉ hưu trước năm 1995 có mức hưởng thấp.

Căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 được giao, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Uỷ ban nhân dân cấp xã và các ngành, các đơn vị dự toán bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 như sau:

a) 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2022 thực hiện so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao sau khi loại trừ một số khoản thu khi tính số tăng thu ngân sách địa phương so với dự toán dành để cải cách chính sách tiền lương, bao gồm: thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước.

b) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương tích lũy đến hết niên độ 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang.

c) Nguồn 10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên năm 2023 (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương) của các ngành, các đơn vị, các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị cấp xã, đã tính trừ trong dự toán giao chi ngân sách năm 2023.

d) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2023. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 07 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn nhu cầu và phương

thức chi điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP; trong đó chú ý một số khoản thu sau:

Đối với học phí học sinh chính quy học các trường công lập: 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu học phí của học sinh.

Đối với học phí từ các hoạt động đào tạo tại chức, liên doanh liên kết, các hoạt động đào tạo khác của các trường công lập: 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu học phí từ các hoạt động trên sau khi loại trừ các chi phí trực tiếp có liên quan.

Đối với số thu dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác của đơn vị sự nghiệp (ngoài khoản thu theo Luật phí và lệ phí năm 2015): 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu của các hoạt động trên sau khi trừ các chi phí trực tiếp liên quan.

đ) 50% kinh phí ngân sách địa phương giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập).

e) Trường hợp đã sử dụng hết nguồn ngân sách địa phương, nguồn lực hợp pháp để chi phòng, chống dịch Covid - 19 và cam kết bảo đảm đủ nguồn để thực hiện cải cách chính sách tiền lương, các địa phương được sử dụng nguồn cải cách chính sách tiền lương còn dư để bổ sung dự toán chi phòng, chống dịch Covid - 19 trong năm 2021 và 2022 (phần ngân sách địa phương đảm bảo).

12. Xử lý kinh phí đột xuất

Trong 6 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh hạn chế xử lý hỗ trợ kinh phí đột xuất cho các ngành, các cấp, các đơn vị. Khi phát sinh các nhiệm vụ mới, các cấp, các ngành, các đơn vị tự sắp xếp trong dự toán được giao. Sau khi tự sắp xếp để thực hiện nhiệm vụ trên mà kinh phí vẫn không đảm bảo được thì đến tháng 7 năm 2023 có văn bản đề xuất gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét.

Trên cơ sở nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu và cân đối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định. Uỷ quyền cho Giám đốc Sở Tài chính giải quyết kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho những nội dung chi cần thiết từ 10 triệu đồng trở xuống cho một đơn vị (mỗi đơn vị chỉ được giải quyết một lần).

13. Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các đề án, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Các sở, ban, ngành, đơn vị địa phương đối chiếu với chức năng, nhiệm vụ được giao để thực hiện. Dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo định mức chi thường xuyên được tính trên tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Khi triển khai thực hiện các đề án, các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành, đơn vị tự sắp xếp trong dự toán chi ngân sách nhà nước được giao để thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xem xét, hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm (ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao) của các cơ quan, đơn vị theo quyết định của cấp có thẩm quyền nhưng chưa được bố trí

kinh phí thực hiện từ dự toán đầu năm; ngân sách tỉnh không hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh khác của các cơ quan, đơn vị.

14. Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng và dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân sống gần Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc: Cơ cấu nguồn vốn đã được quy định tại Công văn số 5307/UBND-CN ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc triển khai các thủ tục để bồi thường, hỗ trợ, di dời tái định cư các hộ dân sống gần Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc: Ngân sách tỉnh: 55%/tổng kinh phí dự kiến; Ngân sách thành phố Vinh: 35%/tổng kinh phí dự kiến; Ngân sách huyện Nghi Lộc: 5%/tổng kinh phí dự kiến; Ngân sách thị xã Cửa Lò: 5%/tổng kinh phí dự kiến. Trên cơ sở quyết định phê duyệt dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng của Uỷ ban nhân dân huyện Nghi Lộc, Sở Tài chính, Uỷ ban nhân dân huyện Nghi Lộc, Uỷ ban nhân dân thành phố Vinh, Uỷ ban nhân dân thị xã Cửa Lò căn cứ cơ cấu nguồn vốn để bố trí kinh phí cho Uỷ ban nhân dân huyện Nghi Lộc triển khai thực hiện.

15. Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông: Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn để chi cho các hoạt động đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn, lực lượng thanh tra giao thông vận tải, Ban an toàn giao thông tỉnh, ...; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số biện pháp tăng cường giải tỏa vi phạm, chống tái lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025; kinh phí xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông,...

16. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước

Uỷ ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau:

a) Dự kiến số thu không đạt dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định phải điều chỉnh giảm một số khoản chi.

b) Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của các huyện, thành phố, thị xã.

c) Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách của một số đơn vị dự toán hoặc địa phương cấp dưới.

17. Điều chỉnh dự toán đơn vị sử dụng ngân sách

a) Trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, trường hợp cần thiết phải điều chỉnh dự toán của các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán do hợp nhất, sát nhập, điều chuyển, bổ sung chức năng, nhiệm vụ,... nhưng không làm thay đổi tổng mức chi giữa các sự nghiệp, các cấp ngân sách; các ngành, đơn vị, địa phương gửi cơ quan tài chính tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định. Đồng thời, báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

b) Điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển

Việc điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn.

Đối với các nguồn vốn do Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định: Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của các chủ đầu tư, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh. Đối với các nguồn vốn do Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định: Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của các chủ đầu tư, giao cơ quan tài chính phối hợp với Kho bạc nhà nước tham mưu Uỷ ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định điều chỉnh.

18. Thực hiện kiến nghị giảm trừ dự toán chi thường xuyên của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra chuyên ngành

Căn cứ Thông báo Kết luận của Kiểm toán nhà nước và Thanh tra chuyên ngành về kết quả kiểm toán, thanh tra tại các ngành, cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố, thị xã: ủy quyền cho Sở Tài chính thông báo giảm trừ dự toán chi thường xuyên của các ngành, cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố, thị xã; Thông báo phải ghi rõ số kinh phí giảm trừ tương ứng nhiệm vụ chi theo kiến nghị Kiểm toán nhà nước và Thanh tra chuyên ngành về niên độ ngân sách. Trên cơ sở thông báo giảm trừ dự toán chi thường xuyên của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo giảm trừ dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp huyện và các xã, phường, thị trấn.

19. Xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm

Thực hiện theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn, hướng dẫn liên ngành Sở Tài chính - Kho bạc nhà nước Nghệ An.

a) Các khoản thu được để lại đơn vị chi, thực hiện ghi thu - ghi chi qua ngân sách nhà nước theo quy định: Các khoản thu được để lại đơn vị chi, thực hiện ghi thu - ghi chi qua ngân sách nhà nước (tiền hỗ trợ tái định cư các khu đất đấu giá, tiền thuê đất,...) thực hiện theo đúng các văn bản quy định hiện hành. Việc ghi thu - ghi chi được thực hiện, tổng hợp theo từng cấp ngân sách. Đơn vị dự toán cấp I hướng dẫn, phê duyệt các khoản ghi thu - ghi chi của đơn vị dự toán trực thuộc, gửi cơ quan tài chính đồng cấp để thực hiện ghi thu - ghi chi qua ngân sách nhà nước. Thời hạn cơ quan tài chính hoàn thành thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước chậm nhất hết ngày 30 tháng 01 năm sau.

b) Xử lý số dư dự toán ngân sách, chuyển nguồn sang năm sau: Các sở, ngành, đơn vị và các địa phương rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau, chỉ chuyển nguồn theo đúng quy định tại khoản 3, Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Điều 68 Luật Đầu tư công năm 2019, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019, các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính về điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Kết thúc năm tài chính, sau khi rà soát đối chiếu các nhiệm vụ chi đủ điều kiện chuyển nguồn nêu trên với các ngành, đơn vị và địa phương, Kho bạc Nhà nước tổng hợp, lập báo cáo số dư dự toán được chuyển sang ngân sách năm sau của đơn vị dự toán cấp I, chi tiết theo từng nhiệm vụ của từng đơn vị sử dụng ngân sách, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi theo quy định tại Điều 26, Thông tư số 342/2016/TT-BTC. Khi sử dụng sẽ hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định. Cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với ngân sách cấp xã) tổng hợp toàn bộ các khoản chi được chuyển nguồn (bao gồm số liệu chuyển nguồn do Kho bạc Nhà nước cùng cấp báo cáo và các khoản được chuyển nguồn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015) và có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để hạch toán chi chuyển nguồn từ năm 2021 sang thu chuyển nguồn năm sau theo quy định tại khoản 7, Điều 26, Thông tư 342/2016/TT-BTC. Các dự án sử dụng vốn đầu tư công thực hiện chuyển nguồn theo của Luật đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

c) Quyết toán ngân sách nhà nước

Đơn vị dự toán cấp trên duyệt quyết toán của đơn vị cấp dưới. Kết thúc duyệt quyết toán năm đơn vị xét duyệt phải ra thông báo đối với dự toán cấp dưới. Đối với đơn vị dự toán cấp I gửi đơn vị dự toán cấp dưới và gửi cơ quan Tài chính cùng cấp. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp trên phải chịu trách nhiệm về kết quả xét duyệt quyết toán theo luật định. Thời hạn xét duyệt, thẩm định và phê chuẩn quyết toán ngân sách năm quy định theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện, cấp xã; thời gian gửi báo cáo tài chính ngân sách của Uỷ ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh và cụ thể như sau:

Đối với đơn vị dự toán ngân sách: Thời hạn quyết toán năm của đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc do đơn vị dự toán cấp I quy định nhưng phải bảo đảm thời gian để đơn vị dự toán cấp I xem xét duyệt, tổng hợp, lập, gửi cơ quan Tài chính cùng cấp trước ngày 30 tháng 4 năm sau (đối với cấp tỉnh), trước ngày 30 tháng 3 năm sau (đối với cấp huyện).

Bộ phận Tài chính - Kế toán xã có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, đồng thời gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện trước ngày 30 tháng 4 năm sau, trình Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn quyết toán trước ngày 30 tháng 6 năm sau. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định quyết toán ngân sách cấp xã và các đơn vị dự toán cấp huyện; lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện; tổng hợp, lập báo cáo thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện và quyết toán thu, chi ngân sách huyện (bao gồm cả thu, chi cấp huyện và cấp xã), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, đồng thời gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 5 năm sau; trình Hội đồng nhân dân cấp huyện để phê chuẩn quyết toán trước ngày 31 tháng 8 năm sau. Sở Tài chính lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh; tổng hợp lập quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước; đồng thời trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn quyết toán tại kỳ họp cuối năm.

Điều 22. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng

Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên theo quy định tại khoản 1, Điều 19 của Quyết định này. Các ngành, đơn vị và địa phương tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí năm 2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kịp thời hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành; bãi bỏ các quy định không phù hợp trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý, trọng tâm tập trung vào rà soát, lập danh mục các định mức, tiêu chuẩn, chế độ, định mức kinh tế - kỹ thuật còn thiếu hoặc không phù hợp trong các lĩnh vực chuyên ngành. Xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách nhà nước sai chế độ, chính sách.

Điều 23. Thực hiện công khai tài chính, công khai tài sản nhà nước, báo cáo cung cấp thông tin tài chính

Các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và các khoản đóng góp của nhân dân phải thực hiện công khai tài chính, công khai tài sản, báo cáo cung cấp thông tin tài chính.

1. Các cấp ngân sách thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

2. Uỷ quyền Sở Tài chính thực hiện công khai ngân sách địa phương và ngân sách cấp tỉnh trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính, tại chuyên mục "Công khai ngân sách" đảm bảo đúng nội dung, hình thức và thời gian công khai theo quy định. Giao Sở Tài chính thực hiện báo cáo điện tử trên hệ thống Cổng Công khai ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính (http://ckns.mof.gov.vn) đối với các nội dung quy định tại khoản 3, Điều 19 Thông tư số 343/2016/TT-BTC và hướng dẫn tại Công văn số 3785/BTC-NSNN ngày 09 tháng 04 năm 2021 của Bộ Tài chính.

3. Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

4. Các cơ quan, đơn vị được sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy

chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

5. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân thực hiện công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 03 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện công khai theo quy định tại Mục 2, Chương XIV, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

7. Đối với các khoản hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với cá nhân, dân cư việc công khai được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân dân cư.

8. Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp trốn thuế, gian lận thuế, chây ỳ không nộp thuế đúng thời hạn theo quy định của Luật Quản lý thuế.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các Sở, ngành cấp tỉnh và các đơn vị dự toán cấp I, tổ chức được ngân sách hỗ trợ thực hiện công khai các nội dung liên quan trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc thực hiện bằng một số hình thức được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 đối với các đơn vị chưa có trang thông tin điện tử. Các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện quy chế công khai và gửi cơ quan tài chính để tổng hợp theo dõi đánh giá chung trong tỉnh theo chế độ quy định.

10. Các cơ quan quản lý, đơn vị dự toán cấp 1 có trách nhiệm tổng hợp thông tin tài chính của đơn vị mình và các đơn vị cấp dưới để lập Báo cáo cung cấp thông tin tài chính và gửi Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định tại Nghị định 25/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính Nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 24. Công tác kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước

Công tác kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo đúng quy định sau:

Các Nghị định của Chính phủ: số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án vốn đầu tư công.

Các Thông tư của Bộ Tài chính: số 62/2020/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2020 về hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân

sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước; Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước; số 19/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2017/TT-BTC và các văn bản quy định của nhà nước về các lĩnh vực liên quan.

Công văn số 12873/BTC-ĐT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thanh toán vốn đầu tư cho nhiệm vụ quy hoạch.

Trong quá trình thực hiện kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, trường hợp đơn vị có vi phạm quy định về điều kiện chi ngân sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước sẽ xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập; Thông tư số 87/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ các nội dung tại quy định này, các chế độ, chính sách hiện hành và điều kiện thực tiễn của địa phương, xây dựng phương án quản lý, điều hành ngân sách cụ thể của cấp ngân sách, của đơn vị. Quản lý, sử dụng có hiệu quả kinh phí và tài sản được giao để phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và nhiệm vụ chính trị địa phương, đơn vị.

3. Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc thực hiện phân bổ, giao dự toán và tổ chức triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của cấp huyện đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

4. Các cấp, các ngành tăng cường công tác tự kiểm tra; đẩy mạnh các hoạt động thanh tra tài chính nhằm kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh các sai phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản và thực hiện chế độ kế toán thống kê.

5. Các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai nghiêm túc các nội dung quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cấp, các ngành phản ánh kịp thời về Uỷ ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính tổng hợp) để xem xét, giải quyết kịp thời./.